BÁO CÁO KẾ TOÁN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG - THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP TẠI CÁC DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

TS. Ngô Thị Thu Hương* - ThS. Nguyễn Thị Mai Hương*

Báo cáo Phát triển Bền vững, thường gắn liền với các tiêu chí Môi trường, Xã hội và Quản trị, đang trở thành một yếu tố chiến lược không thể thiếu đối với các doanh nghiệp trên toàn cầu. Xu hướng này phản ánh sự thừa nhận rộng rãi về mối liên hệ giữa thành công trong kinh doanh và phát triển bền vững, cũng như tầm quan trọng của tính minh bạch và trách nhiệm giải trình. Tại Việt Nam, mặc dù số lượng doanh nghiệp thực hiện báo cáo phát triển bền vững đã tăng đáng kể, đặc biệt là các công ty niêm yết lớn trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (khoảng 65% vào năm 2020), chất lượng báo cáo vẫn còn khoảng cách lớn so với các chuẩn mực quốc tế như GRI và IFRS S1/S2. Các thách thức chính, bao gồm thiếu sự đồng bộ trong quy định và mức độ báo cáo thấp đối với các chỉ số quan trọng như mục tiêu carbon và việc áp dụng công bố thông tin tài chính liên quan đến khí hậu (TCFD). Bài viết này tổng quan về cơ sở lý thuyết, phân tích thực trạng công bố báo cáo phát triển bền vững tại Việt Nam và khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, qua đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện khung pháp lý và nâng cao tính minh bạch, chất lượng báo cáo tại các DN Việt Nam.

• Từ khóa: *báo cáo phát triển bền vững, thông tin bền vững, các bên liên quan, ESG, IFRS S1/S2.*

Sustainability reporting, often linked to Environmental, Social and Governance criteria, is becoming an indispensable strategic element for businesses globally. This trend reflects the widespread recognition of the link between business success and sustainable development, as well as the importance of transparency and accountability. In Vietnam, although the number of businesses reporting on sustainability has increased significantly, especially large listed companies on the Ho Chi Minh City Stock Exchange (about 65% in 2020), the quality of reporting still lags far behind international standards such as GRI and IFRS S1/S2. Key challenges include a lack of regulatory synchronization and low reporting levels on key indicators such as carbon targets and the application of climate-related financial disclosure (TCFD). This article provides an overview of the theoretical basis and analyzes the current status of sustainability reporting in Vietnam and the Asia-Pacific region, thereby proposing solutions to improve the legal framework and improve transparency and reporting quality in Vietnamese enterprises.

• Key words: *sustainable development reporting, sustainability information, stakeholders, ESG, IFRS S1/S2.*

Ngày nhận bài: 20/12/2025
Ngày gửi phản biện: 17/01/2026
Ngày duyệt đăng: 28/02/2026

DOI: https://doi.org/10.71374/jfarv.v26.i309.09

1. Giới thiệu

Sự phát triển và áp dụng rộng rãi báo cáo phát triển bền vững (BCPTBV), bao gồm cả các phương pháp tiếp cận độc lập và tích hợp, thể hiện sự thay đổi đáng kể trong thực tiễn kế toán hiện đại và kỳ vọng của các bên liên quan. BCPTBV nhằm bổ sung cho báo cáo tài chính truyền thống bằng cách cung cấp cho các bên liên quan sự hiểu biết toàn diện hơn về hoạt động, rủi ro, cơ hội và khả năng tồn tại lâu dài của doanh nghiệp. Bằng cách công bố thông tin về các chính sách, biện pháp thực hiện và đo lường hiệu suất môi trường và xã hội, các công ty có thể thể hiện cam kết của mình đối với các giải pháp bền vững, nâng cao tính minh bạch và tạo dựng niềm tin với các bên liên quan.

Sự phổ biến của các báo cáo phát triển bền vững độc lập, tương tự như các báo cáo thường niên truyền thống, nhấn mạnh tầm quan trọng ngày càng tăng của các vấn đề môi trường và xã hội trong quản trị doanh nghiệp và trách nhiệm giải trình. Các báo cáo này thường đề cập đến nhiều chủ đề, bao gồm phát thải khí nhà kính, tiêu thụ năng lượng và nước, quản lý chất thải, sự đa dạng của nhân viên, sự tham gia của cộng đồng, cùng nhiều chủ đề khác. Báo cáo phát triển bền vững đã phát triển từ hoạt động thử nghiệm ban đầu của một số công ty tiên phong đến việc trở thành một phần tiêu chuẩn trong hoạt động quan hệ với các bên liên quan đối với hầu hết các tập đoàn lớn hiện nay.

Các công ty phải đối mặt với áp lực ngày càng tăng từ các nhà đầu tư, người tiêu dùng, cơ quan

* *Học viện Ngân hàng*

quản lý và xã hội trong việc thể hiện cam kết của họ đối với sự phát triển bền vững và trách nhiệm của doanh nghiệp. Sự tăng trưởng theo cấp số nhân của báo cáo phát triển bền vững cho thấy sự thay đổi cơ bản trong cách các doanh nghiệp nhận thức và quản lý các tác động môi trường và xã hội của mình, phản ánh sự thừa nhận rộng rãi hơn về mối liên hệ giữa thành công trong kinh doanh và phát triển bền vững.

Nhiều doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là các công ty lớn và các công ty niêm yết, đã nhận thức được tầm quan trọng của phát triển bền vững và bắt đầu tích hợp các yếu tố bền vững vào chiến lược kinh doanh. Các công ty đa quốc gia hoạt động tại Việt Nam thường có yêu cầu nghiêm ngặt về BCPTBV theo tiêu chuẩn quốc tế, điều này tạo áp lực và động lực cho các công ty trong nước cải thiện báo cáo của mình.

Bài viết này nhằm trình bày các cơ sở lý thuyết có liên quan đến BCPTBV, các quy định của quốc tế và Việt Nam về công bố thông tin phát triển bền vững, thực trạng công bố BCPTBV của các doanh nghiệp tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương nói chung và Việt Nam nói riêng, trên cơ sở đó đưa ra các khuyến nghị trong việc công bố BCPTBV.

2. Cơ sở lý thuyết

Sự tăng trưởng mạnh mẽ của các báo cáo phát triển bền vững (BCPTBV) được giải thích bằng một số lý thuyết nền tảng, chủ yếu tập trung vào mối quan hệ giữa doanh nghiệp và các bên liên quan của họ.

2.1. Lý thuyết các bên liên quan (Stakeholder Theory)

Lý thuyết các bên liên quan (Stakeholder Theory) thừa nhận rằng các công ty thực hiện công bố thông tin về xã hội và môi trường để đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan. Theo lý thuyết này, nhiệm vụ của nhà quản trị không nên chỉ tập trung toàn bộ vào lợi ích của các cổ đông mà phải bao gồm lợi ích của tất cả các bên liên quan với doanh nghiệp.

BCPTBV nhằm đáp ứng nhu cầu và mong đợi của các bên liên quan khác nhau bằng cách cân nhắc các tác động xã hội và môi trường bên cạnh lợi nhuận. Doanh nghiệp sử dụng BCPTBV để tăng cường tính minh bạch thông tin, thể hiện cam kết về trách nhiệm xã hội và cải thiện mối quan hệ với cộng đồng. Tuy nhiên, lý thuyết này có hạn chế là không giải thích được tại sao các công ty từ các ngành tương tự hoạt động trong cùng khu vực địa lý lại đưa ra những thông tin công bố khác nhau. Việc tích hợp lý thuyết này với các lý thuyết khác có thể cung cấp sự hiểu biết toàn diện hơn.

2.2. Lý thuyết về tính hợp pháp (Legitimacy Theory)

Lý thuyết về tính hợp pháp (Legitimacy Theory) cho rằng các tổ chức cố gắng duy trì tính hợp pháp và được chấp nhận trong xã hội bằng cách điều chỉnh các hành động và thông tin công bố của họ phù hợp với các chuẩn mực, giá trị và kỳ vọng hiện hành của xã hội. Các công ty điều chỉnh việc công bố thông tin của mình không chỉ để đối phó với áp lực của các bên liên quan mà còn để duy trì tính hợp pháp được thừa nhận của họ đối với công chúng, cơ quan quản lý và các bên liên quan quan trọng khác.

Theo lý thuyết này, BCPTBV là một công cụ hỗ trợ các công ty trong việc đối phó với các áp lực chính trị, kinh tế, và xã hội. Việc công bố thông tin được xem là một cách để doanh nghiệp thể hiện sự tuân thủ và đồng bộ với các chuẩn mực xã hội.

2.3. Lý thuyết tín hiệu (Signaling Theory)

Lý thuyết tín hiệu (Signaling Theory) cho rằng các doanh nghiệp sử dụng thông tin để gửi tín hiệu đến các bên liên quan về giá trị hoặc chất lượng của mình. BCPTBV được sử dụng như một tín hiệu để thu hút các bên liên quan bằng cách minh chứng cho những cam kết và hiệu quả của doanh nghiệp trong các hoạt động phát triển bền vững. Thông qua báo cáo này, doanh nghiệp công khai thông tin bền vững để có thể phân biệt với các đối thủ cạnh tranh và thể hiện tính minh bạch, tạo lòng tin với các bên liên quan.

Việc tích hợp các lý thuyết này là cần thiết: trong khi lý thuyết các bên liên quan nhấn mạnh vai trò của áp lực bên ngoài, thì lý thuyết tính hợp pháp cung cấp một khuôn khổ rộng hơn bằng cách xem xét các động lực bên trong và bên ngoài hình thành nên hành vi của tổ chức. Lý thuyết tín hiệu bổ sung khía cạnh giao tiếp chiến lược để giảm bất cân xứng thông tin, làm cơ sở để hiểu biết toàn diện hơn về lý do và cách thức các công ty công bố thông tin bền vững.

3. Nhu cầu thông tin và quy định Báo cáo bền vững

3.1. Nhu cầu của nhà đầu tư về thông tin bền vững

Nhà đầu tư có trách nhiệm xã hội ngày càng đóng vai trò quan trọng và thường sử dụng hai chiến lược

đầu tư chính: sàng lọc tiêu cực (tránh đầu tư vào các ngành như: thuốc lá, than hoặc những ngành sử dụng lao động trẻ em) và đầu tư tác động tích cực (chọn các công ty đóng góp tích cực cho xã hội/môi trường như năng lượng thay thế).

BCPTBV đóng vai trò là nguồn tài nguyên quý giá cho các nhà đầu tư này, cung cấp dữ liệu toàn diện về hiệu quả hoạt động xã hội và môi trường, bao gồm cả nỗ lực giải quyết các vấn đề trong chuỗi cung ứng. Báo cáo này cho phép nhà đầu tư đưa ra quyết định đầu tư sáng suốt, phù hợp với giá trị và mục tiêu bền vững của họ.

3.2. Quy định liên quan đến công bố Báo cáo phát triển bền vững

Các tổ chức quốc tế đã tạo ra bộ tiêu chuẩn riêng về BCPTBV như Global Reporting Initiative (GRI), Sustainability Accounting Standards Board (SASB), Task Force on Climate-related Financial Disclosures (TCFD), Climate Disclosure Standards Board (CDSB) và Khung Báo cáo tích hợp.

Hệ thống chuẩn mực của BCPTBV được phát triển bởi GRI vẫn là hệ thống chuẩn mực được sử dụng rộng rãi nhất.

Để giải quyết sự phức tạp của việc áp dụng nhiều khung báo cáo khác nhau và thúc đẩy tính nhất quán, Ủy ban Tiêu chuẩn Phát triển Bền vững Quốc tế (ISSB) đã công bố các chuẩn mực IFRS S1 (Công bố thông tin chung về phát triển bền vững) và IFRS S2 (Công bố thông tin về khí hậu). Các chuẩn mực này được xây dựng dựa trên việc hợp nhất các khung và tiêu chuẩn báo cáo phổ biến như TCFD, SASB, CDSB, và báo cáo tích hợp. IFRS S1 và IFRS S2 yêu cầu các DN phải công bố thông tin về các vấn đề phát triển bền vững liên quan đến quản trị, chiến lược, quản lý rủi ro, số liệu và mục tiêu. Việc này giúp xác định rủi ro và cơ hội liên quan đến phát triển bền vững và khí hậu có ảnh hưởng đến tình hình tài chính trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của DN.

Văn bản pháp lý đầu tiên tại Việt Nam yêu cầu các DN niêm yết phải thực hiện công bố thông tin về phát triển bền vững là Thông tư số 155/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính, có hiệu lực từ 1/1/2016. Thông tư này quy định nội dung báo cáo tác động đến môi trường và xã hội, bao gồm: quản lý nguồn nguyên liệu, tiêu thụ năng lượng và nước, tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường, chính sách liên quan đến người lao động và cộng đồng địa phương, và báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh. Quy định này sau đó được cập nhật, bổ sung bởi Thông tư 96/2020/TT-BTC, tiếp tục hướng dẫn trình bày BCPTBV và yêu cầu công bố thông tin về phát thải khí nhà kính.

4. Thực trạng công bố báo cáo phát triển bền vững

4.1. Thực trạng công bố báo cáo PTBV tại khu vực Châu Á - Thái Bình Dương (APAC)

Theo khảo sát của KPMG năm 2022 tại khu vực Châu Á - Thái Bình Dương (APAC) tỷ lệ công ty lớn (G250) công bố BCPTBV đạt 96%. GRI vẫn là tiêu chuẩn thống trị, mặc dù các tiêu chuẩn khác như SASB và TCFD cũng được sử dụng. Khoảng 3/4 số công ty tiến hành đánh giá tính trọng yếu, xác định và ưu tiên các vấn đề bền vững có liên quan. 64% các công ty G250 thừa nhận biến đổi khí hậu là rủi ro đối với hoạt động kinh doanh. Việc áp dụng báo cáo TCFD đã tăng gần gấp đôi.

Về mục tiêu SDG của Liên hợp quốc, các công ty ưu tiên số lượng hơn chất lượng, với phần lớn công ty báo cáo về SDG, nhưng chỉ 10% báo cáo về tất cả 17 mục tiêu. Ba mục tiêu được báo cáo phổ biến nhất là Việc làm ổn định và tăng trưởng kinh tế, Tiêu dùng và sản xuất có trách nhiệm, và Hành động vì khí hậu.

4.2. Thực trạng công bố PTBV tại Việt Nam

Việc công bố BCPTBV tại Việt Nam đã có nhiều tiến bộ. Số lượng DN công bố báo cáo phát triển bền vững đã tăng lên đáng kể, đặc biệt là các công ty niêm yết trên HOSE. Năm 2020, khoảng 65% các công ty niêm yết trên HOSE đã công bố BCPTBV, so với chỉ khoảng 20% vào năm 2016. Các ngành như ngân hàng, bất động sản, năng lượng, và hàng tiêu dùng đang dẫn đầu trong việc công bố. Phần lớn các doanh nghiệp hiện nay trình bày nội dung BCPTBV thông qua việc lồng ghép trong nội dung của Báo cáo thường niên.

Tuy nhiên, chất lượng của các báo cáo vẫn chưa đồng đều. Nhiều doanh nghiệp chỉ công bố thông tin chung chung, thiếu các chỉ tiêu đo lường cụ thể về môi trường, xã hội và quản trị. Các công ty lớn thường tuân theo các tiêu chuẩn quốc tế như GRI, nhưng các DN nhỏ và vừa vẫn chưa quen thuộc với các chuẩn mực này và gặp khó khăn do hạn chế nguồn lực.

Khảo sát của KPMG (2022) cho thấy: 87% công ty tại Việt Nam thực hiện BCPTBV. Chỉ 10% công ty báo cáo về mục tiêu carbon. Chỉ 2% công ty vận dụng TCFD trong báo cáo phát triển bền

vững. Tỷ lệ báo cáo về rủi ro môi trường, xã hội và quản trị (chỉ 7% - 14% DN báo cáo) thấp hơn nhiều so với các quốc gia khác trong khu vực.

Điều này cho thấy Việt Nam đang từng bước hòa nhập vào các xu hướng phát triển bền vững toàn cầu, dù vẫn còn nhiều thách thức và cơ hội để cải thiện chất lượng và nội dung BCPTBV, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến khí hậu và định lượng rủi ro.

5. Một số khuyến nghị tăng cường công bố BCPTBV tại Việt Nam

Để tăng cường công bố BCPTBV tại Việt Nam, cần có sự phối hợp đồng bộ giữa Nhà nước và Doanh nghiệp.

5.1. Đối với Nhà nước/Cơ quan Quản lý

Hoàn thiện khung pháp lý và chính sách hỗ trợ: Chính phủ cần ban hành các chính sách và quy định cụ thể liên quan đến BCPTBV nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp. Cần hoàn thiện khung pháp lý rõ ràng và mạnh mẽ bằng cách tham khảo và điều chỉnh các tiêu chuẩn quốc tế, phù hợp với điều kiện Việt Nam. Điều này bao gồm việc xây dựng các tiêu chuẩn ESG quốc gia, cung cấp hướng dẫn về quy trình báo cáo, và đưa ra các biện pháp khuyến khích như ưu đãi thuế và hỗ trợ tài chính.

Thực hiện báo cáo bắt buộc: Quy định việc lập BCPTBV trở nên bắt buộc với tất cả các công ty niêm yết và công ty có quy mô lớn, đặc biệt đối với các ngành có tác động lớn đến môi trường.

Tiêu chuẩn hóa và hài hòa: cung cấp hỗ trợ về kỹ thuật, tài chính và tài liệu hướng dẫn cho doanh nghiệp về các tiêu chuẩn quốc tế mới nhất như IFRS S1 và IFRS S2, khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng để nâng cao chất lượng báo cáo.

Đẩy mạnh tuyên truyền và đào tạo về ESG: thực hiện các chương trình tuyên truyền, giáo dục và đào tạo nhằm nâng cao nhận thức của doanh nghiệp về tầm quan trọng của ESG, cung cấp hướng dẫn về xây dựng và thực hiện chiến lược ESG.

Giám sát và chế tài: Thiết lập hệ thống giám sát việc tuân thủ các quy định về BCPTBV và áp dụng các biện pháp xử phạt đối với các doanh nghiệp không tuân thủ.

Tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận nguồn vốn bền vững: thiết lập các quỹ hỗ trợ hoặc cung cấp các ưu đãi tài chính cho doanh nghiệp áp dụng ESG.

5.2. Đối với doanh nghiệp

Xây dựng chiến lược và chính sách ESG rõ ràng: doanh nghiệp cần xây dựng chiến lược ESG phù hợp với đặc thù hoạt động và tích hợp vào chiến lược kinh doanh tổng thể để đảm bảo tính bền vững lâu dài.

Tăng cường minh bạch và công khai thông tin ESG: thực hiện báo cáo ESG định kỳ và công khai thông tin liên quan đến các hoạt động môi trường, xã hội và quản trị, giúp tăng cường sự minh bạch và tạo lòng tin với nhà đầu tư.

Tích cực tham gia vào các sáng kiến và mạng lưới ESG: tham gia vào các sáng kiến và mạng lưới ESG, như UN Global Compact, GRI, và các hiệp hội ngành nghề để tiếp cận nguồn tài nguyên, công cụ và học hỏi kinh nghiệm.

Tham vấn các bên liên quan và sử dụng phản hồi: tổ chức đối thoại thường xuyên với các bên liên quan (nhà đầu tư, khách hàng, cộng đồng) để nắm bắt nhu cầu thông tin về báo cáo phát triển bền vững và sử dụng phản hồi để cải thiện chất lượng báo cáo.

Sử dụng công nghệ: xem xét việc sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo (AI), và phân tích dữ liệu lớn để thu thập, phân tích và báo cáo thông tin bền vững một cách chính xác.

Kết luận: BCPTBV/ESG là một xu hướng tất yếu toàn cầu, được thúc đẩy bởi các lý thuyết nền tảng về kinh tế và xã hội, nhấn mạnh vai trò của tính minh bạch và trách nhiệm giải trình đối với các bên liên quan. Tại Việt Nam, mặc dù đã có những bước tiến đáng kể trong việc áp dụng BCPTBV, với tỷ lệ chấp nhận cao trong các công ty niêm yết, vẫn tồn tại những khoảng trống đáng kể về chất lượng, đặc biệt là việc sử dụng các chỉ số định lượng về môi trường và sự tuân thủ các chuẩn mực quốc tế như IFRS S1 và IFRS S2. Việc cải thiện chất lượng báo cáo bền vững là cần thiết để nâng cao tính cạnh tranh, tăng khả năng tiếp cận vốn, và hỗ trợ chiến lược phát triển bền vững của quốc gia.

Tài liệu tham khảo:

ISSB (2023), IFRS S1. Truy cập tại: https://www.ifrs.org/issued-standards/ifrs-sustainabilitystandards-navigator/ifrs-s1-general-requirements/

ISSB (2023). 'IFRS S2', Truy cập tại: https://www.ifrs.org/issued-standards/ifrs-sustainabilitystandards-navigator/ifrs-s2-climate-related-disclosures/

IFC (2020), 'Báo cáo tình hình công bố Báo cáo phát triển bền vững của các doanh nghiệp Việt Nam'.

KPMG Asia Pacific (2023), 'Survey of Sustainability Reporting 2022: Asia Pacific edition' PwC (2022), 'Báo cáo khảo sát về công bố phát triển bền vững tại Việt Nam'

Phan Thị Đỗ Quyên, Trần Thị Thanh Thảo, "Báo cáo phát triển bền vững: thực trạng và giải pháp cho các doanh nghiệp Việt Nam", Kỷ yếu VCAATMU2024 - Quyển 2, 2024, tr. 557-568.